

## **MỤC LỤC BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009**

<b>STT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
<b>I</b>	<b>Lịch sử hoạt động Công ty</b>	<b>01</b>
1	Những sự kiện quan trọng.	01
2	Quá trình phát triển.	02
3	Định hướng phát triển.	02-03
<b>II</b>	<b>Báo cáo của Hội đồng quản trị</b>	<b>03</b>
1	Kết quả hoạt động trong năm	03
2	Tình hình thực hiện so với kế hoạch	03
3	Những thay đổi chủ yếu trong năm.	03
4	Triển vọng và kế hoạch trong tương lai	04
<b>III</b>	<b>Báo cáo của Ban Giám đốc:</b>	<b>05</b>
1	Báo cáo tình hình tài chính:	05-06
2	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.	07
3	Những tiến bộ Công ty đạt được:	08
4	Kế hoạch phát triển trong tương lai	08
<b>IV</b>	<b>Báo cáo tài chính 2009 đã kiểm toán</b>	<b>09-26</b>
<b>V</b>	<b>Bản giải trình Báo cáo tài chính và Báo cáo kiểm toán</b>	<b>27</b>
1	Kiểm toán độc lập	27
2	Kiểm toán nội bộ:	27
<b>VI</b>	<b>Các Công ty có liên quan</b>	<b>27-28</b>
<b>VII</b>	<b>Tổ chức và nhân sự:</b>	<b>28</b>
1	Cơ cấu tổ chức của Công ty.	28
2	Tóm tắt lý lịch cá nhân trong Ban điều hành	29-37
3	Quyền lợi của ban Giám đốc:	38
4	Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách của người lao động	38-39
5	Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị ( HĐQT), Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng:	39
<b>VIII</b>	<b>Thông tin cổ đông và quản trị Công ty</b>	<b>40</b>
1	Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:	40-42
2	Các dữ liệu thống kê về cổ đông theo danh sách chốt ngày 22/03/2010 từ TTLK.	42-43

---

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THẠCH CAO XI MĂNG**  
**NĂM 2009**

**I. Lịch sử hoạt động của Công ty.**

**1. Những sự kiện quan trọng.**

Thực hiện Nghị định thư về hợp tác kinh tế, văn hóa và khoa học kỹ thuật giữa Việt Nam và Lào, Công ty Kinh doanh Thạch cao Xi măng (tiền thân là Đoàn K3 trực thuộc Bộ Xây dựng) được thành lập theo quyết định số 814/BXD-TCCB ngày 15/5/1978, với chức năng và nhiệm vụ là hợp tác với Lào xây dựng, khai thác thạch cao tại mỏ thạch cao Đồng Hới, tỉnh Savanakhét, CHDCND Lào.

Ngày 21/11/1987, Bộ Xây dựng có quyết định số 1049/BXD-TCCB, chuyển giao Đoàn K3 cho Liên hiệp các xí nghiệp Đá cát sỏi thuộc Bộ Xây dựng quản lý từ ngày 01/01/1988.

Ngày 09/04/1988, Bộ Xây dựng ra quyết định số 325/BXD-TCCB, sáp nhập Trạm cung ứng thạch cao Đồng Hà, Trạm tiếp nhận thạch cao Đà Nẵng thuộc Xí nghiệp cung ứng vật tư thiết bị xi măng vào Đoàn K3 để thành lập Xí nghiệp khai thác và cung ứng thạch cao Lào (gọi tắt là Xí nghiệp cung ứng thạch cao) thuộc Liên hiệp các Xí nghiệp xi măng (nay là Tổng Công ty CN Xi măng Việt Nam).

Ngày 22/07/1992, Bộ Xây dựng ra quyết định số 370/BXD-TCLĐ, đổi tên Xí nghiệp Cung ứng thạch cao thành Công ty Kinh doanh thạch cao xi măng.

Ngày 12/02/1993, Bộ Xây dựng ra quyết định số 019A/BXD-TCLĐ, về việc thành lập lại doanh nghiệp Nhà nước Công ty Kinh doanh thạch cao xi măng, trực thuộc Liên hiệp các Xí nghiệp xi măng - Bộ Xây dựng.

Từ ngày 01/09/1993, Xí nghiệp Vật tư xây dựng 407 (thuộc Công ty Kinh doanh vật tư, xi măng) được chuyển giao cho Công ty Kinh doanh thạch cao xi măng theo quyết định số 154/LHXM-TCLĐ của Tổng giám đốc Liên hiệp các Xí nghiệp xi măng (nay là Tổng Công ty CN Xi măng VN).

Theo Quyết định số 1007/QĐ-BXD ngày 16/05/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc thực hiện cổ phần hóa các công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam, Công ty Kinh doanh Thạch cao Xi măng thực hiện cổ phần hoá. Ngày 17/04/2006, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3103000176, Công ty Kinh doanh Thạch cao xi măng chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Thạch cao xi măng và hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần. Công ty đã 04 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, lần thay đổi thứ 04 vào ngày 07/07/2009.

Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2006.

- Tên chứng khoán: Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng.
- Mã chứng khoán : TXM
- Mệnh giá giao dịch: 10.000 đồng (*mười nghìn đồng* ).
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông.
- Số lượng chứng khoán đăng ký lưu ký: 7.000.000 cổ phiếu  
( *Bảy triệu cổ phiếu* )
- Tổng giá trị chứng khoán đăng ký lưu ký: 70.000.000.000 đồng.  
( *Bảy mươi tỷ đồng chẵn* )
- Hình thức đăng ký lưu ký : Ghi sổ

## **2. Quá trình phát triển.**

### **2.1. Ngành nghề kinh doanh :**

- Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ; Khai thác lâm sản khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng khác; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ và lâm sản khác;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao, nghiền xi măng; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao; Kinh doanh xi măng, nhập khẩu và kinh doanh thạch cao các loại;
- Bán buôn tổng hợp ; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá ; Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp ; Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hoá đường bộ ;
- Khách sạn ; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống ;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác ;
- Dịch vụ tắm hơi, massage.

### **2.2. Tình hình hoạt động:**

Năm 2009, tình hình kinh doanh của công ty gặp rất nhiều khó khăn. Sản lượng tiêu thụ thạch cao xi măng giảm. Trong năm công ty phải cạnh tranh rất gay gắt về thị phần và giá bán với các doanh nghiệp cung ứng xi măng, thạch cao cùng loại trên địa bàn. Trước tình hình đó, Ban lãnh đạo công ty đã rất nỗ lực trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh nhằm đưa công ty ra khỏi tình hình khó khăn, hoạt động kinh doanh có hiệu quả.

## **3. Định hướng phát triển.**

Là đơn vị cung ứng thạch cao chủ yếu cho các nhà máy xi măng thuộc Tổng công ty CN Xi măng Việt Nam ( Vicem), đồng thời là nhà phân phối xi măng của các nhà máy xi măng trong Vicem tại địa bàn các tỉnh miền Trung. Khai thác tốt nguồn lực hiện có về kinh nghiệm trong kinh doanh thạch cao xi măng, các lợi thế là đơn vị trong Vicem, lợi thế về vị trí đất đai để mở

rộng thị phần kinh doanh và đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh trong tương lai. Kiện toàn bộ máy theo hướng tinh gọn, chất lượng. Thực hiện việc nâng cao trình độ quản lý, đào tạo và đào tạo lại cán bộ có đủ năng lực lãnh đạo Công ty.

## **II. Báo cáo của Hội đồng quản trị:**

### **1. Kết quả hoạt động trong năm:**

Ngay từ đầu năm 2009 đến nay, Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong sản xuất, kinh doanh. Trên thị trường nhiều nhà cung cấp sản phẩm thạch cao, xi măng chất lượng cao, với nhiều chính sách, cơ chế tiêu thụ linh hoạt ... nên sự cạnh tranh diễn ra ngày càng gay gắt, quyết liệt hơn. Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị Công ty đã tập trung chỉ đạo, điều hành bằng các nghị quyết, quyết định ... nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 của Công ty.

Năm 2009 công ty không có lợi nhuận mặc dù doanh thu kinh doanh đạt 99% so với năm 2008. Nguyên nhân do công ty đã tính vào chi phí sản xuất kinh doanh một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ của Dự án Trạm nghiền Quảng Trị là 3,6 tỷ đồng theo Thông tư 201/2009/TT - BTC ngày 15/12/2009. Khoản xử lý này cũng chính là lợi nhuận năm 2009 của công ty.

### **2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:**

Kết quả kinh doanh năm 2009 so với kế hoạch Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2009 đề ra:

- Sản lượng sản phẩm tiêu thụ:           đạt 377.399Tấn /599.000Tấn đạt 63% so với kế hoạch.
- Doanh thu:                                 đạt 294, 941 tỷ đồng/ 489,980 tỷ đồng đạt 60% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận chưa xử lý chênh lệch tỷ giá :3,632 tỷ đồng/ 6,419 tỷ đồng đạt 57% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế : 0 đồng

Các chỉ tiêu kết quả kinh doanh năm 2009 không đạt so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân do sản lượng tiêu thụ thạch cao, xi măng không đạt kế hoạch. Sản lượng thạch cao nhập cho các nhà máy trong Vicem đạt thấp. Thị trường tiêu thụ xi măng phải cạnh tranh với các doanh nghiệp kinh doanh xi măng cùng loại và cạnh tranh với xi măng sản xuất tại địa phương.

### **3. Những thay đổi chủ yếu trong năm.**

- Dự án Trạm nghiền Xi măng Quảng Trị với tổng mức đầu tư được tính lại là: 193 tỷ đồng do tiến độ thi công lắp đặt kéo dài đúng vào thời điểm có biến động lớn về giá .
- Thay đổi 2 lần Giám đốc điều hành và thành viên Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị đã thống nhất đề nghị của Giám đốc điều hành Công ty tại Nghị quyết số 1485/NQ - HDQT ngày 09/09/2009, về việc dừng Hợp đồng Liên doanh khai thác thạch cao mỏ Champhone tỉnh Savannakhét (Lào) và Hợp đồng mua bán thạch cao với Công ty SATY PHAPB SANGKAKY Lào, trên cơ sở phải đảm bảo thủ tục pháp lý theo quy định. Cũng theo Nghị quyết này, Hội đồng quản trị thống nhất chủ trương liên doanh với Quốc doanh Khai thác thạch cao để khai thác thạch cao tại mỏ Đồng Hén, tỉnh Savannakhét (Lào).
- Hội đồng quản trị đã thống nhất giao Giám đốc điều hành tiếp tục làm việc với Quốc doanh Khai thác thạch cao Lào về việc liên doanh khai thác, bao tiêu thạch cao tại mỏ Đồng Hén (Lào),



chậm nhất đến đầu Quý 3 năm 2010 hoàn thành việc ký kết Liên doanh giữa Công ty và Quốc doanh Khai thác thạch cao Lào.

#### **4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:**

##### **4.1 Triển vọng:**

- Nhu cầu Xi măng ở các Tỉnh miền Trung sẽ tăng trong những năm tới. Trạm nghiền Xi măng Quảng Trị đưa vào hoạt động sẽ góp phần đáp ứng nhu cầu này, với thiết bị chính của Trạm nghiền được chế tạo tại các nhà máy trung ương sản xuất thiết bị nổi tiếng của Trung Quốc, có vị trí thuận lợi, kết hợp với nguồn nguyên liệu tại chỗ Dự án Trạm nghiền xi măng Quảng Trị sẽ góp phần giảm chi phí vận chuyển nguyên liệu, giá thành sản xuất, góp phần nâng cao lợi nhuận cho Công ty.
- Công ty đang là đơn vị cung cấp nguyên liệu đầu vào Thạch cao chủ yếu cho các nhà máy Xi măng thuộc Tổng Công ty CN Xi măng Việt Nam. Công ty có những lợi thế về nguồn thạch cao ổn định và có chất lượng từ Mỏ khai thác Thạch cao Đồng Hới của Quốc doanh khai thác CHDCND Lào, đội ngũ CBNV có nhiều kinh nghiệm trong kinh vực kinh doanh Thạch cao và mối quan hệ hợp tác kinh doanh với các nhà máy trong nhiều năm qua.

##### **4.2. Kế hoạch trong năm 2010:**

- Tập trung chỉ đạo đối với Ban QLDA, đảm bảo tiến độ Trạm nghiền xi măng Quảng Trị; phấn đấu sản xuất thử trong tháng 6 năm 2010.
- Nâng cao các nghiệp vụ về thị trường nhằm giữ vững và tăng thị phần kinh doanh của hai mặt hàng chính là thạch cao, xi măng của Công ty.
- Đưa ra và thực hiện các phương án liên doanh, liên kết ( kể cả đầu tư vốn 100%) phương tiện vận tải thạch cao tuyển từ Lào về Việt Nam.
- Tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện các Dự án:
  - + Dự án Khách sạn và Văn phòng cho thuê (tại khu đất trụ sở Công ty- 24 đường Hà Nội, thành phố Huế).
  - + Dự án Liên doanh khai thác, bao tiêu thạch cao với Quốc doanh khai thác thạch cao Lào.
- Chỉ đạo thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý; năng lực lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Thủ trưởng Phòng, Ban, Đơn vị trực thuộc Công ty.
- Tiếp tục rà soát bổ sung, sửa đổi các Quy chế, Quy định (đã ban hành); tiếp tục nghiên cứu, xây dựng, ban hành các Quy chế, Quy định mới phù hợp với quy định của Nhà nước và điều kiện thực tế của Công ty.

### III - Báo cáo của Ban Giám đốc:

#### 1. Báo cáo tình hình tài chính:

##### 1.1. Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán.

- Lợi nhuận năm 2009 : 0 đồng
- Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu: 0 đồng.
- **Chỉ số khả năng sinh lời:**
  - \* Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản: 0%
  - \* Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần: 0%
  - \* Lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu: 0%

##### - **Khả năng thanh toán :**

- \* Khả năng thanh toán tức thời: 0,37
- \* Khả năng thanh toán nhanh: 0,78
- \* Khả năng thanh toán hiện hành: 0,93

##### - **Tình hình thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước**

Trong năm 2009 đã nộp Ngân sách Nhà nước: 6,5 tỷ đồng.

Năm 2009 tình hình kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn, sản lượng tiêu thụ hàng hóa đạt 63% so với kế hoạch, trong đó sản lượng xi măng kinh doanh và sản xuất đạt 59%, thạch cao đạt 65% so với kế hoạch. Tổng doanh thu năm 2009 đạt 60% so với kế hoạch và đạt 99% so với năm 2008. Do phải cạnh tranh về giá bán để dành thị phần nên lợi nhuận gộp của một tấn hàng thu được rất thấp. Biến động tỷ giá của đồng Đôla trong năm 2009 làm cho giá mua tăng cũng là yếu tố làm cho lợi nhuận gộp giảm. Bên cạnh đó cũng phải kể đến do trong năm 2009 có nhiều biến động về nhân sự quản lý. Giám đốc điều hành của công ty thay đổi 2 lần. Số người lao động thôi việc tăng làm tăng chi phí trợ cấp thôi việc so với các năm trước. Lợi nhuận trước thuế năm 2009 bằng không do Công ty đã xử lý một phần lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ có đến ngày 31/12/2009 theo hướng dẫn tại Thông tư 201/2009/TT - BTC ngày 15/12/2009, giá trị xử lý là 3,6 tỷ đồng.

Các chỉ số về khả năng thanh toán của công ty tính đến 31/12/2009 giảm. Nguyên nhân là do các khoản Vay dài hạn tài trợ cho Dự án Quảng trị đã đến hạn trả đã làm cho Nợ ngắn hạn trong năm 2009 tăng lên, vượt quá Tài sản lưu động của Công ty 7,3 tỷ đồng.

##### 1.2. Giá trị sổ sách của Công ty đến thời điểm 31/12/2009 là: 248.971.039.207 đồng

##### 1.3. Những thay đổi về vốn cổ đông:

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tại ngày 31/12/2009		Tại ngày 31/12/2008	
	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
- Vốn đầu tư của Nhà nước	35.845.250.000	51,21	35.845.250.000	51,21
- Vốn đầu tư của cổ đông khác	34.154.750.000	48,79	34.154.750.000	48,79
<b>Tổng cộng:</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

**1.4. Tổng cổ phiếu theo từng loại.**

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.000.000	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.000.000	Cổ phiếu
+ Cổ phiếu phổ thông	7.000.000	Cổ phiếu
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	
- Số lượng cổ phiếu mua lại	-	
+ Cổ phiếu phổ thông	-	
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	
- Số lượng cổ phiếu dự trữ	-	
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.000.000	Cổ phiếu
+ Cổ phiếu phổ thông	7.000.000	Cổ phiếu
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ CP		

**1.5. Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại: Không có.**

**1.6. Cổ tức:**

Trong năm 2009 Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2008 cho cổ đông góp vốn theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2009. Cổ tức năm 2008 đã phân phối là 6,2%/ mệnh giá cổ phần ( mỗi cổ phiếu nhận được 620 đồng).

**2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.**

**a. Sản lượng tiêu thụ trong kỳ từ 01/01/2009 đến 31/12/2009:**

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh TH/KH	
					Tuyệt đối	(%)
<b>A</b>	<b>Sản xuất, kinh doanh</b>		<b>599.000</b>	<b>377.399</b>	<b>(221.601)</b>	<b>63</b>
<b>I</b>	<b>Kinh doanh Clinker</b>	<b>Tấn</b>		<b>4.724</b>	<b>4.724</b>	
<b>I</b>	<b>Kinh doanh thạch cao:</b>	<b>Tấn</b>	<b>314.000</b>	<b>203.626</b>	<b>(110.374)</b>	<b>65</b>
	- Thạch cao Lào	'	154.000	102.197	(51.803)	66
	- Thạch cao Thái Lan	'	130.000	76.310	(53.690)	59
	- Thạch cao Trung Quốc	'	30.000	25.120	(4.880)	84
<b>II</b>	<b>Kinh doanh Xi măng:</b>	<b>Tấn</b>	<b>285.000</b>	<b>153.516</b>	<b>(131.484)</b>	<b>54</b>
	- Xi măng Hoàng Thạch	'	50.000	30.905	(19.095)	62
	- Xi măng Bim Sơn	'	230.000	121.561	(108.439)	53
	- Xi măng Hoàng Mai	'	5.000	1.012	(3.988)	20
	- Xi măng Hải Vân	'	-	38	38	
<b>III</b>	<b>Xi măng sản xuất</b>	<b>Tấn</b>	<b>-</b>	<b>15.533</b>	<b>15.533</b>	
	- Xi măng Bim Sơn "ĐBQB"	'	-	15.533	15.533	
<b>B</b>	<b>Gia công xi măng</b>		<b>170.000</b>	<b>34.661</b>	<b>(135.339)</b>	<b>20</b>
1	XM Bim sơn PCB30 " GCQB"		50.000	34.661	(15.339)	69
2	XM Bim sơn PCB30 " GCQT"	'	120.000	-	(120.000)	-

**b. Các chỉ tiêu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2009:**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Thực hiện so với kế hoạch	
					Tuyệt đối	(%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	489,98	294,94	(195,04)	60
2	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	6,42	(4,07)	(10,48)	(63)
3	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	0,00	4,07	4,07	
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6,42	0,00	(6,42)	0
5	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6,42	0,00	(6,42)	0
6	Lãi trên cổ phiếu	đồng	917	0,00	(917,00)	0,00

Nguyên nhân giảm sản lượng, doanh thu, lợi nhuận như đã phân tích ở trên.

**3. Những tiến bộ Công ty đạt được:**

Trước những khó khăn của Công ty, cùng với sự hỗ trợ từ phía Tổng công ty CN Xi măng Việt Nam và các đơn vị thành viên, Ban lãnh đạo công ty đã cố gắng tìm mọi cách để nâng sản lượng tiêu thụ và củng cố vị thế của công ty trên thị trường như thay đổi loại xi măng kinh doanh tại thị trường Huế, trực tiếp nhập khẩu thạch cao Thái Lan ( trước đây nhập ủy thác qua Công ty Xuất nhập khẩu). Sản lượng tiêu thụ của công ty năm 2009 không đạt so với kế hoạch đã đề ra nhưng so với năm 2008 đã đạt 92%, doanh thu đạt 99% so với năm 2008. Ban lãnh đạo công ty đã tích cực đôn đốc và tìm kiếm những nhà thầu có năng lực nhằm đẩy nhanh tiến độ đi vào sản xuất của Dự án Trạm nghiền Quảng Trị. Mặc dù tình hình kinh doanh khó khăn nhưng Công ty vẫn thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, chế độ với người động như đóng đầy đủ các loại bảo hiểm, chi trả đầy đủ các khoản thu nhập, tiền lương cho người lao động, đảm bảo thu nhập của người lao động không thấp hơn mức lương cơ bản Nhà nước quy định.

**4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:** *(Như đã trình bày trong báo cáo Hội đồng quản trị, phần Triển vọng và kế hoạch trong tương lai).*

**IV. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán:**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Mẫu B 01-DN**  
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)			<b>94.388.884.583</b>	<b>90.549.978.141</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>37.673.566.271</b>	<b>44.965.093.958</b>
1. Tiền	111		10.152.258.052	5.965.093.958
2. Các khoản tương đương tiền	112		27.521.308.219	39.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>38.016.115.212</b>	<b>26.430.388.904</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		30.065.793.454	18.791.582.642
2. Trả trước cho người bán	132		7.383.788.683	7.600.230.753
3. Các khoản phải thu khác	135		637.958.656	110.001.090
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(71.425.581)	(71.425.581)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5</b>	<b>15.334.128.681</b>	<b>16.739.520.991</b>
1. Hàng tồn kho	141		15.334.128.681	16.739.520.991
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.365.074.419</b>	<b>2.414.974.288</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		127.235.061	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.939.088.434	2.304.319.959
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		1.467.811	101.467.811
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.297.283.113	9.186.518
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+260)	<b>200</b>		<b>154.582.154.624</b>	<b>129.591.495.853</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>154.582.154.624</b>	<b>128.968.601.860</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	4.035.996.274	5.101.800.434
- Nguyên giá	222		35.498.385.966	35.511.841.880
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.462.389.692)	(30.410.041.446)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		177.000.000	177.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(177.000.000)	(177.000.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	7	150.546.158.350	123.866.801.426
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>			<b>-</b>	<b>622.893.993</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	-	622.893.993
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>			<b>248.971.039.207</b>	<b>220.141.473.994</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Mẫu B 01-DN**  
**ĐVT: VND**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>			<b>151.457.946.644</b>	<b>119.526.405.849</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>101.692.318.170</b>	<b>63.142.872.281</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	9	61.091.124.500	37.913.219.600
2. Phải trả cho người bán	312		33.131.522.759	15.648.636.411
3. Người mua trả tiền trước	313		357.769.496	767.603
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	346.602.931	1.148.322.683
5. Phải trả người lao động	315		1.696.423.846	3.650.003.033
6. Chi phí phải trả	316	11	3.508.194.562	2.784.328.237
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	12	1.074.315.981	977.667.558
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		486.364.095	1.019.927.156
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>49.765.628.474</b>	<b>56.383.533.568</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	13	49.765.628.474	56.319.945.928
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	63.587.640
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>97.513.092.563</b>	<b>100.615.068.145</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>97.359.217.078</b>	<b>100.418.235.852</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		70.000.000.000	70.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		18.200.000.000	18.200.000.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(287.978.280)	(1.756.202.954)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.451.141.709	5.657.394.891
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.315.303.645	1.269.107.283
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		680.750.004	634.553.642
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		-	6.413.382.990
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>			<b>153.875.485</b>	<b>196.832.293</b>
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		153.875.485	196.832.293
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>			<b>248.971.039.207</b>	<b>220.141.473.994</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>				
	Thuyết minh		31/12/2009	31/12/2008

1. Ngoại tệ các loại (USD)

- 368,39

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009*

**MẪU B 02-DN**  
*Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm 2009	Năm 2008
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>18</b>	<b>291.362.951.328</b>	<b>291.668.543.834</b>
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10A</b>	<b>18</b>	<b>291.362.951.328</b>	<b>291.668.543.834</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	19	262.333.922.085	250.210.675.341
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng</b>	<b>20</b>		<b>29.029.029.243</b>	<b>41.457.868.493</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	3.577.784.274	5.074.256.541
7. Chi phí tài chính	22	21	3.831.360.912	201.405.933
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		29.734.702	45.701.132
8. Chi phí bán hàng	24		21.103.381.863	27.229.653.853
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.737.433.722	15.385.786.564
<b>10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(4.065.362.980)</b>	<b>3.715.278.684</b>
11. Thu nhập khác	31	22	4.065.362.980	2.698.104.306
12. Chi phí khác	32		-	-
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>4.065.362.980</b>	<b>2.698.104.306</b>
<b>14. Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>-</b>	<b>6.413.382.990</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
<b>16. Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>60</b>		<b>-</b>	<b>6.413.382.990</b>
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	16	-	1.074



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**MẪU B 03-DN**  
Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2009	Năm 2008
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>-</b>	<b>6.413.382.990</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.095.032.731	2.197.988.213
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	04	3.632.964.335	(7.144.353)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.582.173.187)	(5.055.338.062)
- Chi phí lãi vay	06	29.734.702	45.701.132
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>1.175.558.581</b>	<b>3.594.589.920</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(15.384.197.718)	4.895.066.620
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.405.392.310	(7.879.912.363)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	12.168.682.746	(27.881.512.183)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	495.658.932	575.728.004
- Tiền lãi vay đã trả	13	(8.438.129.876)	(6.428.027.430)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	826.312.859	6.122.463.815
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.256.084.500)	(1.942.644.348)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(9.006.806.666)</b>	<b>(28.944.247.965)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(12.183.702.145)	(52.423.387.851)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	4.590.909	9.535.481
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(400.000.000)	(600.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	400.000.000	600.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.559.900.213	4.977.036.371
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(8.619.211.023)</b>	<b>(47.436.815.999)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	53.200.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	22.112.205.239	52.006.901.459
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7.444.711.237)	(12.334.427.097)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.333.004.000)	(2.243.175.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>10.334.490.002</b>	<b>90.629.299.162</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(7.291.527.687)</b>	<b>14.248.235.198</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>44.965.093.958</b>	<b>30.716.512.140</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	346.620
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>37.673.566.271</b>	<b>44.965.093.958</b>

## **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Kinh doanh thạch cao xi măng thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam theo Quyết định số 459/QĐ-BXD ngày 16/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3103000176 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 17/04/2006; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1 ngày 28/6/2007; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 ngày 15/02/2008; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 ngày 27/4/2009 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4 ngày 07/7/2009

Tổng số vốn điều lệ của Công ty là 70.000.000.000 đồng tương ứng với 7.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, trong đó:

- Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam nắm giữ 3.584.525 cổ phiếu tương ứng với 35.845.250.000 đồng, chiếm 51,21 % vốn điều lệ.
- Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 nắm giữ 700.000 cổ phiếu tương ứng với 7.000.000.000 đồng, chiếm 10 % vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 2.715.475 cổ phiếu tương ứng với 27.154.750.000 đồng, chiếm 38,79% vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 24 đường Hà Nội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Các đơn vị trực thuộc Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2009 bao gồm:

- Xí nghiệp Xi măng Quảng Bình;
- Ban quản lý Dự án Trạm nghiền Xi măng Quảng Trị;
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng tại nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng tại Hải Phòng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng tại Bim Sơn;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng tại Quảng Trị;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng tại Đà Nẵng.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2009 là 311 người (Tại 31/12/2008 là 333 người).

### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ; Khai thác lâm sản khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng khác; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ và lâm sản khác;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao, nghiền xi măng; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao; kinh doanh xi măng, nhập khẩu và kinh doanh thạch cao các loại;
- Bán buôn tổng hợp; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá; Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ;
- Khách sạn; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ngày 31/12/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực áp dụng từ ngày 15/02/2010. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Công ty đã thực hiện phân loại một số chỉ tiêu phù hợp theo hướng dẫn sửa đổi bổ sung của Bộ Tài chính trong Thông tư này.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở cộng các số liệu trên Báo cáo tài chính của Xi măng Xi măng Quảng Bình, Ban Quản lý Dự án Trạm nghiền Xi măng Quảng Trị và Văn phòng Công ty sau khi đã loại trừ các khoản phải thu, phải trả và các khoản điều chuyển nội bộ.

Hình thức ghi sổ kế toán: Hình thức nhật ký chung.

### **Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

## **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí thu mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

### **Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành và theo các quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản phải thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao:**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Quyết định 206/2003/QĐ - BTC của Bộ Tài Chính ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<u><b>Năm</b></u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí liên quan tới đầu tư xây dựng và chi phí lãi vay có liên quan trong thời kỳ đầu tư xây dựng cơ bản phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Việc tính khấu hao của các tài sản được hình thành từ đầu tư xây dựng này được áp dụng giống như các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái bắt đầu sử dụng.

Số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2009 chủ yếu là chi phí đầu tư xây dựng Trạm nghiền xi măng tại Quảng Trị. Trạm nghiền xi măng tại Quảng Trị được đầu tư theo Quyết định đầu tư số 1867/XMVN-HĐQT ngày 12/09/2003 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xi măng Việt Nam (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam), trong đó chủ đầu tư là Công ty Kinh doanh Thạch cao xi măng (nay là Công ty Cổ phần Thạch cao xi măng). Dự án được quản lý theo hình thức chủ đầu tư trực tiếp quản lý, thành lập Ban quản lý dự án thuộc chủ đầu tư để tổ chức thực hiện. Tổng mức đầu tư của Dự án là 151,982 tỷ đồng, trong đó vốn tự có của chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng là 3 tỷ đồng. Trạm nghiền xi măng có công suất 250.000 tấn xi măng/năm, tiến độ thực hiện dự án là 27 tháng kể từ ngày quyết định đầu tư.

### **Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm lợi thế kinh doanh, giá trị thương hiệu và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Lợi thế kinh doanh và giá trị thương hiệu được phân bổ dần vào Báo cáo hoạt động kinh doanh trong thời gian 5 năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hoá dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian tối đa không quá ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và doanh nghiệp có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi ra VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại số dư các tài khoản này được phản ánh vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá” trên bảng cân đối kế toán. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào kết quả kinh doanh. Để đảm bảo kết quả kinh doanh năm 2009 không bị lỗ, Công ty đã ghi nhận vào kết quả kinh doanh một phần chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC ban hành ngày 15/12/2009 về hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Hiện tại, Công ty đang được hưởng ưu đãi cho doanh nghiệp cổ phần mới thành lập và doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ trên thị trường chứng khoán bao gồm việc miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% số thuế phải nộp trong một (1) năm tiếp theo. Số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm được bổ sung tăng Quỹ đầu tư phát triển sau khi được đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua. Năm 2009 là năm thứ tư Công ty được miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tuy nhiên, không có bất kỳ tài sản hoặc công nợ thuế hoãn lại nào được ghi nhận tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ ghi nhận trên Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế tương ứng.

Năm 2009, Công ty không xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp do kết quả kinh doanh của Công ty không có lãi.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **4. TIỀN**

	<u><b>31/12/2009</b></u>	<u><b>01/01/2009</b></u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	254.592.233	387.685.964
Tiền gửi ngân hàng	9.897.665.819	5.577.407.994
Các khoản tương đương tiền	27.521.308.219	39.000.000.000
<b>Cộng</b>	<u><b>37.673.566.271</b></u>	<u><b>44.965.093.958</b></u>

#### **5. HÀNG TỒN KHO**

	<u><b>31/12/2009</b></u>	<u><b>01/01/2009</b></u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi đường	1.666.783.933	146.167.563
Nguyên liệu, vật liệu	929.033.291	3.996.175.266
Công cụ, dụng cụ	237.000	1.558.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.421.011	668.769.600
Thành phẩm	-	203.057.136
Hàng hoá	11.238.977.158	11.723.793.426
Hàng gửi đi bán	1.486.676.288	-
<b>Cộng</b>	<u><b>15.334.128.681</b></u>	<u><b>16.739.520.991</b></u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<u><b>15.334.128.681</b></u>	<u><b>16.739.520.991</b></u>

**6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2009	19.807.146.794	10.644.000.736	3.879.480.950	1.181.213.400	35.511.841.880
Mua sắm	-	-	-	29.228.571	29.228.571
XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	28.700.000	13.984.485	42.684.485
Tại ngày 31/12/2009	19.807.146.794	10.644.000.736	3.850.780.950	1.196.457.486	35.498.385.966

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại ngày 01/01/2009	16.080.141.106	10.135.104.983	3.153.722.835	1.041.072.522	30.410.041.446
Khấu hao trong kỳ	638.428.832	237.824.808	153.125.125	65.653.966	1.095.032.731
Thanh lý	-	-	28.700.000	13.984.485	42.684.485
Tại ngày 31/12/2009	16.718.569.938	10.372.929.791	3.278.147.960	1.092.742.003	31.462.389.692

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày 01/01/2009	3.727.005.688	508.895.753	725.758.115	140.140.878	5.101.800.434
Tại ngày 31/12/2009	3.088.576.856	271.070.945	572.632.990	103.715.483	4.035.996.274
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao vẫn sử dụng	12.354.075.045	9.575.842.771	2.531.228.979	974.248.467	25.435.395.262
Nguyên giá TSCĐ chờ thanh lý	-	-	-	-	-

**7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Dự án trạm nghiền Quảng Trị	150.447.008.262	123.767.651.338
Dự án khác	99.150.088	99.150.088
<b>Cộng</b>	<b>150.546.158.350</b>	<b>123.866.801.426</b>

Dự án trạm nghiền xi măng Quảng Trị có công suất 250.000 tấn/năm được xây dựng theo Quyết định đầu tư số 1867/XMVN- HĐQT ngày 12/09/2003 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xi măng Việt Nam và đang trong giai đoạn thực hiện. Theo Quyết định này, tổng mức đầu tư của Dự án là 151.982 triệu đồng, vốn vay là 122.570 triệu đồng. Toàn bộ giá trị công trình được dùng để thế chấp cho khoản vay theo Hợp đồng vay vốn số 01/2004/HĐ đã ký ngày 29/10/2004 với Ngân hàng Đầu và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị.

Theo Nghị quyết số 1958/NQ-HĐQT ngày 16/12/2009, Công ty dự kiến sẽ đưa dự án Trạm nghiền xi măng Quảng Trị vào sản xuất thử trong tháng 2 năm 2010. Tuy nhiên đến thời điểm lập báo cáo này, dự án trên vẫn chưa được đưa vào sản xuất thử.

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá trị lợi thế kinh doanh	-	486.846.653
Giá trị thương hiệu	-	100.000.000
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	36.047.340
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>622.893.993</b>

Trong năm 2009, Công ty đã phân bổ hết giá trị lợi thế kinh doanh và giá trị thương hiệu

**9. VAY NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay ngắn hạn (1)	1.256.084.500	-
Vay dài hạn đến hạn trả:	59.835.040.000	37.913.219.600
<i>Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (2)</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>20.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng đầu tư và phát triển Quảng Trị</i>	<i>39.835.040.000</i>	<i>17.913.219.600</i>
<b>Cộng</b>	<b>61.091.124.500</b>	<b>37.913.219.600</b>

(1) Đây là khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Huế bằng ngoại tệ nhằm thanh toán tiền mua thạch cao. Khoản vay này được thể hiện dưới hình thức hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn, trong đó Công ty chuyển tiền Việt Nam đồng đặt cọc để mua 68.500 USD tương ứng với tỷ giá kỳ hạn tại thời điểm ngày 15 tháng 01 năm 2010 là 18.337 đồng/USD. Tại thời điểm lập báo cáo này, hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn đã được thanh lý.

(2) Khoản vay Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam theo Hợp đồng vay vốn số 1870/XMVN-KTTC ngày 31/12/2006. Tổng số tiền vay là 20 tỷ đồng, mục đích vay để đầu tư Dự án Trạm nghiền Xi măng Quảng Trị. Lãi suất cho vay là 8,4%/năm. Thời hạn cho vay là 3 năm. Theo quy định về thời hạn trả nợ của hợp đồng vay, kỳ trả nợ cuối cùng là 31/12/2009. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, Công ty và Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam chưa có bất kỳ thỏa thuận nào về việc gia hạn thời gian trả nợ của khoản vay này.



**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	297.594.351	1.100.005.672
Thuế thu nhập cá nhân	4.430.905	47.877.084
Các khoản thuế khác	44.577.675	439.927
<b>Cộng</b>	<b>346.602.931</b>	<b>1.148.322.683</b>

**11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay phải trả	3.197.523.197	2.556.966.749
Chi phí phải trả khác	310.671.365	227.361.488
<b>Cộng</b>	<b>3.508.194.562</b>	<b>2.784.328.237</b>

**12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	12.733.879
Kinh phí công đoàn	46.090.238	77.442.553
Bảo hiểm xã hội	-	124.446.240
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.028.225.743	763.044.886
<b>Cộng</b>	<b>1.074.315.981</b>	<b>977.667.558</b>

**13. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng (1)	4.572.929.050	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Quảng Trị (2)	85.027.739.424	74.233.165.528
Vay bằng VND	46.110.427.221	40.966.062.588
Vay bằng USD	38.917.312.203	33.267.102.940
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>109.600.668.474</b>	<b>94.233.165.528</b>
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả (thuyết minh số 9)	(59.835.040.000)	(37.913.219.600)
<b>Cộng vay dài hạn</b>	<b>49.765.628.474</b>	<b>56.319.945.928</b>

(1) Khoản vay Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng (CFC) theo Hợp đồng số 01/2009/TDH ngày 22/02/2009 với tổng số tiền vay là 20 tỷ đồng nhằm mục đích đầu tư Dự án Trạm nghiền xi măng tại Quảng Trị. Thời hạn vay là 9 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian ân hạn là 6 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Đến thời điểm lập báo cáo này, chưa có bất kỳ khoản nợ gốc và lãi nào được thanh toán. Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng và Công ty Tài chính cổ phần xi măng chưa có thỏa thuận cụ thể về thời hạn thanh toán các khoản vay.

(2) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Quảng Trị theo Hợp đồng tín dụng ngày 29/10/2004 được bàn giao từ Công ty Kinh doanh Thạch Cao Xi măng, là đơn vị tiền thân của Công ty trước khi cổ phần hóa. Tổng số tiền vay trong hợp đồng là 38.956.000.000 đồng và 3.895.000 USD. Tại biên bản bổ sung Hợp đồng tín dụng số 05/2008/BSHD ngày 11/09/2008 Công ty và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Quảng Trị đã thống nhất sửa đổi số tiền cho vay là: 56,73 tỷ đồng và 2.419.183 USD Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư cho Dự án Trạm nghiền xi măng tại Quảng Trị. Thời hạn vay là 108 tháng kể từ ngày Bên vay nhận món nợ vay đầu tiên. Thời gian ân hạn gốc là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian trả nợ gốc là 84 tháng. Tài sản đảm bảo khoản vay là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất áp dụng tại thời điểm 31/12/2009 đối với khoản vay bằng USD là 6,5%/năm, đối với khoản vay bằng VND là 12%/năm.

Theo biên bản bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2009/BSHD ngày 26/03/2009, Ngân hàng đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Quảng Trị đã đồng ý cơ cấu lại thời hạn trả nợ của Công ty. Lịch thanh toán chi tiết như sau:

Trong vòng một năm	39.835.040.000
Trong năm thứ hai	18.970.500.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	26.222.199.424
<b>Cộng</b>	<b>85.027.739.424</b>

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối
	VND			VND		VND	VND
<b>Tại 01/01/2009</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>18.200.000.000</b>	<b>(1.756.202.954)</b>	<b>5.657.394.891</b>	<b>1.269.107.283</b>	<b>634.553.642</b>	<b>6.413.382.990</b>
Tăng trong năm	-	-	3.627.296.402	1.793.746.818	46.196.362	46.196.362	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	1.920.046.097
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	4.340.000.000
Giảm trong năm	-	-	2.159.071.728	-	-	-	153.336.893
<b>Tại 31/12/2009</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>18.200.000.000</b>	<b>(287.978.280)</b>	<b>7.451.141.709</b>	<b>1.315.303.645</b>	<b>680.750.004</b>	<b>-</b>

(\*) Chênh lệch tỷ giá hối đoái thể hiện các khoản lỗ do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá hối đoái các khoản vay dài hạn có gốc ngoại tệ tài trợ cho dự án trạm nghiền xi măng tại Quảng Trị, nợ ngắn hạn trong kinh doanh và lỗ chênh lệch tỷ giá thanh toán cho nhà thầu để mua thiết bị phục vụ đầu tư cho Dự án Trạm nghiền Xi măng tại Quảng Trị. Trong năm 2009, Công ty đã ghi nhận vào kết quả kinh doanh một phần chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản nợ gốc ngoại tệ này để kết quả kinh doanh không bị lỗ theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC ban hành ngày 15/12/2009 về hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Số dư chênh lệch tỷ giá hối đoái trình bày trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009 là 287.978.280 đồng (số dư tại ngày 31/12/2008 là 1.756.202.954 đồng) là khoản chi phí tài chính chưa phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái.

**15. CỔ PHIẾU**

		<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	cổ phiếu	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	cổ phiếu	7.000.000	7.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>cổ phiếu</i>	<i>7.000.000</i>	<i>7.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>cổ phiếu</i>	-	-
- <i>Số lượng cổ phiếu được mua lại</i>		-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<i>cổ phiếu</i>	7.000.000	7.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>cổ phiếu</i>	<i>7.000.000</i>	<i>7.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>cổ phiếu</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	đồng/cổ phiếu	10.000	10.000

**16. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm 2009</u>	<u>Năm 2008</u>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	7.000.000	5.973.973
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	-	6.413.312.990
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	-	1.074

**17. CỔ TỨC**

Theo Nghị quyết số 671/ĐHĐCĐ ngày 24/04/2009, Đại hội cổ đông thống nhất chi trả cổ tức năm 2008 bằng tiền với tỷ lệ 6,2% vốn điều lệ tương ứng với 4.340.000.000 đồng, số tiền này đã được chi trả trong tháng 4 năm 2009.

**18. DOANH THU**

	<u>Năm 2009</u>	<u>Năm 2008</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng hóa	271.765.263.668	253.356.375.159
Doanh thu bán thành phẩm	13.053.041.359	38.282.125.610
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.544.646.301	30.043.065
<b>Cộng</b>	<b><u>291.362.951.328</u></b>	<b><u>291.668.543.834</u></b>
Các khoản giảm trừ	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>291.362.951.328</u></b>	<b><u>291.668.543.834</u></b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn bán hàng hóa	245.350.742.613	215.159.190.626
Giá vốn bán thành phẩm	11.757.807.186	35.051.484.715
Giá vốn cung cấp dịch vụ	5.225.372.286	-
<b>Cộng</b>	<b>262.333.922.085</b>	<b>250.210.675.341</b>

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.577.582.278	5.045.802.581
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	201.996	21.309.607
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	7.144.353
<b>Cộng</b>	<b>3.577.784.274</b>	<b>5.074.256.541</b>

**21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	29.734.702	45.701.132
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.801.626.210	155.704.801
<b>Cộng</b>	<b>3.831.360.912</b>	<b>201.405.933</b>

**22. THU NHẬP KHÁC**

	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập khác từ kinh doanh xi măng	3.545.781.104	1.646.775.055
Thu nhập khác từ kinh doanh thạch cao	348.996.923	774.942.767
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	4.590.909	-
Các khoản thu khác	165.994.044	276.386.484
<b>Cộng</b>	<b>4.065.362.980</b>	<b>2.698.104.306</b>

**23. CÁC CAM KẾT VỀ ĐẦU TƯ**

Theo Nghị quyết số 671/ĐHĐCĐ ngày 24/04/2009, Đại hội cổ đông thống nhất thành lập Công ty liên doanh khai thác và chế biến thạch cao tại Lào, đồng thời thống nhất Công ty sẽ tiếp tục thực hiện Dự án đầu tư khách sạn 4 sao tại Thành phố Huế và giao cho Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục nghiên cứu, tính toán, phân tích hiệu quả để khởi động lại dự án.

Theo Nghị quyết số 1485/NQ - HĐQT ngày 09/09/2009, Hội đồng quản trị đã thống nhất đề nghị của Giám đốc điều hành Công ty về việc dừng Hợp đồng Liên doanh khai thác thạch cao mô Champagne

tỉnh Savannakhét (Lào) và Hợp đồng mua bán thạch cao với Công ty SATY PHAPB SANGKAKY Lào, trên cơ sở phải đảm bảo thủ tục pháp lý theo quy định. Cũng theo Nghị quyết này, Hội đồng quản trị thống nhất chủ trương liên doanh với Quốc doanh Khai thác thạch cao để khai thác thạch cao tại mỏ Đồng Hên, tỉnh Savannakhét (Lào).

Theo Nghị quyết số 1985/NQ - HĐQT ngày 16/12/2009, Hội đồng quản trị đã thống nhất giao Giám đốc điều hành tiếp tục làm việc với Quốc doanh Khai thác thạch cao Lào về việc liên doanh khai thác, bao tiêu thạch cao tại mỏ Đồng Hên (Lào), chậm nhất đến đầu Quý 3 năm 2010 hoàn thành việc ký kết Liên doanh giữa Công ty và Quốc doanh Khai thác thạch cao Lào.

#### **24. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

#### **25. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

##### **Giao dịch với các bên liên quan**

	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu</b>		
Công ty CP xi măng Bút Sơn	34.724.870.145	41.233.573.449
Công ty CP xi măng Bim Sơn	34.175.999.150	24.598.300.920
Công ty CP xi măng Hoàng Mai	8.623.959.544	5.225.041.656
Công ty xi măng Tam Điệp	9.320.793.420	14.871.497.018
Công ty CP xi măng Hải Vân	2.461.272.100	12.667.266.839
Công ty xi măng Hải Phòng	3.858.694.938	4.031.196.073
Công ty xi măng Hoàng Thạch	10.906.496.964	35.335.854.698
Công ty xi măng Hà Tiên 2	31.465.490.908	26.473.592.302
<b>Mua hàng</b>		
Công ty CP xi măng Bim Sơn	100.863.940.790	46.170.960.160
Công ty CP xi măng Hoàng Mai	920.042.699	2.145.205.460
Công ty xi măng Hoàng Thạch	29.422.393.989	14.098.014.063
Công ty xuất nhập khẩu xi măng	24.640.007.864	57.113.378.000
Công ty CP xi măng Hải Vân	369.470.967	9.065.306.827

**Số dư với các bên liên quan**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty CP xi măng Hải Vân	1.992.506.190	4.717.479.880
Công ty CP xi măng Bút Sơn	5.464.773.600	5.392.452.400
Công ty xi măng Hoàng Thạch	5.198.555.451	-
Công ty xi măng Hà Tiên 2	4.255.020.000	3.345.423.400
Công ty xi măng Hải Phòng	4.244.562.000	-
Công ty xi măng Tam Điệp	6.001.736.664	3.510.128.000
Công ty CP xi măng Hoàng Mai	2.728.227.750	1.626.197.775
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Công ty Xuất nhập khẩu xi măng	2.427.164.270	-
Công ty đầu tư phát triển xi măng	10.869.000	10.869.000
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty xi măng Bim Sơn	6.763.443.933	479.055.472
Công ty xi măng Hoàng Thạch	662.913.500	-
Công ty Xuất nhập khẩu xi măng	-	689.379.473
Phải trả lãi vay Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	1.260.000.000	-
Phải trả khác Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	201.279.284	192.020.109
Phải trả lãi vay Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng Việt Nam	64.509.161	-
<b>Vay dài hạn</b>		
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng Việt Nam	4.572.929.050	-
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000

**26. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và kế toán ACC. Một số số liệu đã được trình bày lại cho mục tiêu so sánh.

**V. Bản giải trình Báo cáo tài chính và Báo cáo kiểm toán:**

**1. Kiểm toán độc lập:**

- Đơn vị Kiểm toán độc lập: **Công ty TNHH Kiểm toán An phú**
- Ý kiến kiểm toán độc lập:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

- Các nhận xét đặc biệt:

Như trình bày tại Thuyết minh số 14 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Công ty đang thực hiện đầu tư xây dựng Trạm nghiền xi măng tại tỉnh Quảng Trị. Đến ngày 31/12/2009 dự án Trạm nghiền xi măng tại Quảng Trị chưa hoàn thành công tác đầu tư xây dựng cơ bản. Trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo, Công ty đã ghi nhận vào kết quả kinh doanh một phần khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ để kết quả kinh doanh năm 2009 của Công ty không bị lỗ theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ban hành ngày 15/12/2009 về hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá hối đoái đang được trình bày trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009 là 287.978.280 đồng (số dư tại ngày 31/12/2008 là 1.756.202.954 đồng đã được ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2009). Nếu Công ty thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái thì kết quả kinh doanh năm 2009 của Công ty sẽ bị giảm đi số tiền là 287.978.280 đồng.

Về tình hình tài chính của Công ty: Kết quả kinh doanh năm 2009 của Công ty không có lãi. Tại thời điểm 31/12/2009, số dư các nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản lưu động số tiền 7.303.433.587 đồng, trong đó chủ yếu bao gồm nợ đến hạn trả của các khoản vay phục vụ cho dự án đầu tư xây dựng Trạm nghiền xi măng Quảng Trị. Do đó, khả năng tiếp tục duy trì thanh toán các khoản nợ đến hạn của Công ty phụ thuộc vào nguồn thu từ hoạt động kinh doanh và các khoản hỗ trợ tài chính khác (nếu có) trong năm 2010.

**2. Kiểm toán nội bộ:**

- Ý kiến của kiểm toán nội bộ: **Không có**

**VI. Các Công ty có liên quan:**

- 1- Đơn vị nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của Công ty :

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2009</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	228 Lê Duẩn, Quận Đống Đa, Hà Nội	3.584.525	51,21

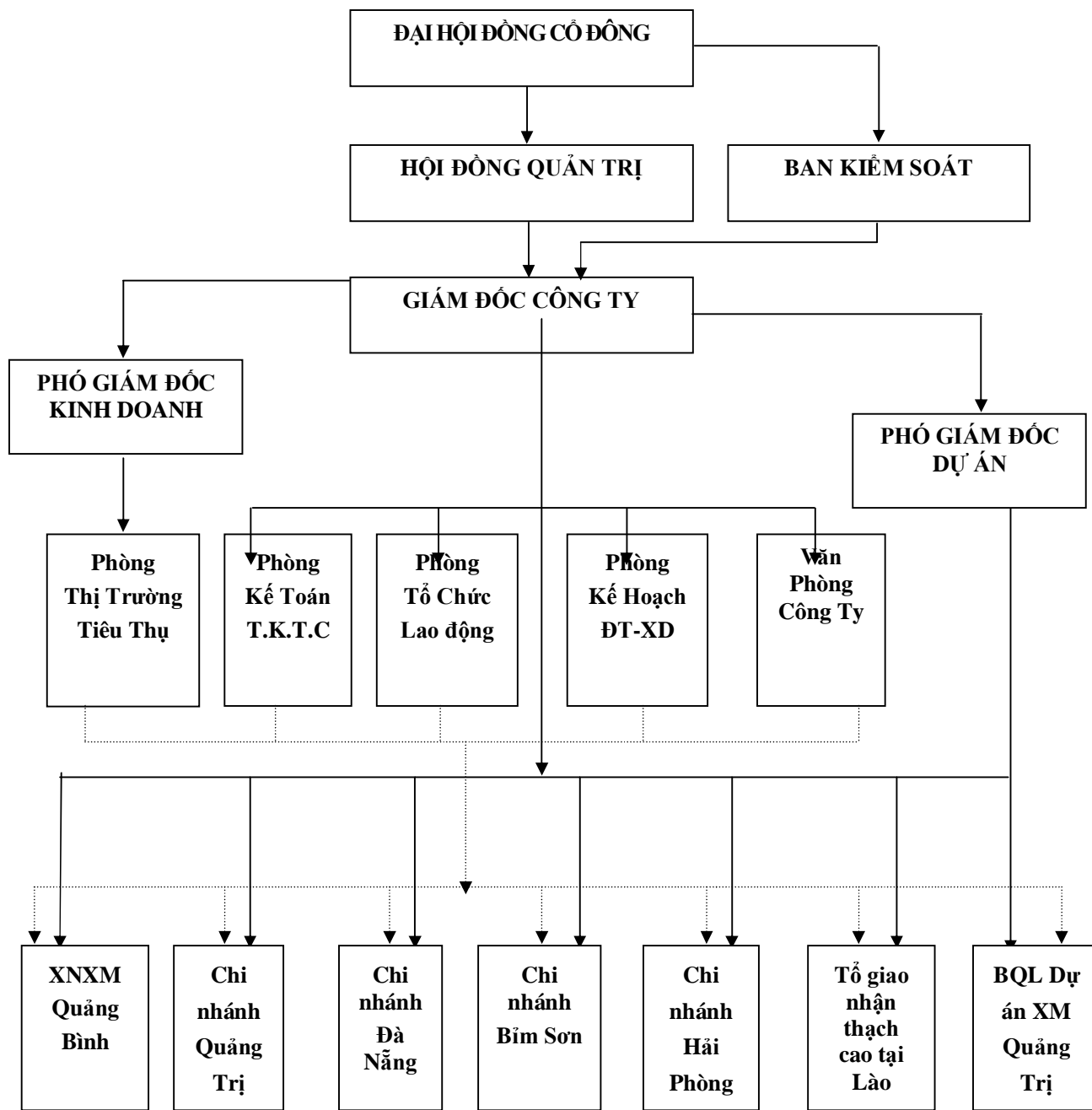


2- Công ty có trên 50% vốn cổ phần / vốn góp do Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng nắm giữ: không có.

**VII. Tổ chức và nhân sự:**

**1- Cơ cấu tổ chức của Công ty.**

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty như sau:



Ghi chú:

- Quan hệ trực tuyến: \_\_\_\_\_➔
- Quan hệ phối hợp, hợp tác: \_\_\_\_\_
- Quan hệ lãnh đạo chức năng: .....➔

**2- Tóm tắt lý lịch cá nhân trong Ban điều hành.**

**2.1. Thành viên Hội đồng quản trị (5 người).**

**a. Ông TẠ QUANG BỬU**

- Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thạch cao xi măng; Phó tổng giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt nam
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 02/09/1955
- Nơi sinh: Xã Diên Cát, Huyện Diên Châu, Nghệ An.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Diên Cát, Huyện Diên Châu, Nghệ An.
- Địa chỉ thường trú:
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 04. 3851 2413
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác:
  - 06/1972 - 11/1974 : Thượng Sỹ, E 32- QK4 – Quân đội nhân dân Việt Nam
  - 12/1974 - 06/1977 : Học sinh trường Trung cấp Xây dựng Hà Tây.
  - 07/1977 – 11/1980: Cán bộ kỹ thuật - Cty Xây dựng số 07 Nghệ An.
  - 12/0980 – 11/1984: Sinh viên – Trường Đạo học Kiến trúc Hà Nội.
  - 12/1984 – 05/1986: Cán bộ quản lý công trình – Nhà văn hoá Lao động
  - 06/1986 – 06/1990: Cán bộ phòng tổ chức – Sở Xây dựng Nghệ An
  - 07/1990 – 01/1997: Giám đốc – Cty Xây dựng số 07 Nghệ An
  - 11/1997 – 07/1998: Phó giám đốc – Sở Xây dựng Nghệ An
  - 08/1998 – 03/2004: Giám đốc công ty Xi măng Nghệ An ( Xi măng Hoàng mai)
  - 04/2004 - nay: Phó tổng giám đốc – Tổng cty CN Xi măng Việt Nam
- Số cổ phần nắm giữ: 1.750.000 cổ phần (*Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước*)
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần: không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có.

**b. Ông HOÀNG VIỆT**

- Chức vụ hiện nay: Ủy viên HĐQT, Giám đốc điều hành Công ty CP Thạch cao xi măng
- Số CMTND: 021772299
- Cấp ngày: 04/02/1999                      Nơi cấp: Công an thành phố Hồ Chí Minh
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 25/01/1961
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Thủ sỹ - Huyện Tiên Lữ - Tỉnh Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: 20 Chiêu Anh Các, phường 5, quận 5 - thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 054.3.846108
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện Kỹ thuật  
Cử nhân Kinh tế - Quản trị Kinh doanh  
Kỹ sư khoa học Máy tính
- Lý luận chính trị: Trung cấp Lý luận chính trị

***Tóm tắt quá trình công tác:***

- Năm 1983-1987: Giáo viên trường Hướng nghiệp dạy nghề - Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh, Tổ trưởng tổ điện.
- Năm 1988-1994: Công ty bóng đèn Điện Quang (quản lý và điều hành xí nghiệp sản xuất đèn dây tóc thuộc thương hiệu bóng đèn Điện Quang có quy mô hơn 400 công nhân), Phó giám đốc xí nghiệp.
- Năm 1994-1996: Công ty Dệt may Đông Á - thành phố Hồ Chí Minh (quản lý và điều hành hoạt động xuất nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dệt may, xuất các sản phẩm dệt may ra nước ngoài), Trưởng phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu.
- Năm 1996-2000: Trưởng phòng Tư vấn đầu tư Phát triển Giao thông Vận tải (TRACODI).
- Năm 2000-2007: Trưởng phòng Công nghệ Dự án - Công ty xi măng Hà Tiên 1.
- Năm 2008 đến tháng 6/2009: Phó quản đốc phân xưởng Sửa chữa cơ điện - Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1.
- Từ tháng 07/2009 - nay: Giám đốc điều hành Công ty CP Thạch cao xi măng;
- Từ tháng 12/2009 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Thạch cao xi măng.
- Số cổ phần nắm giữ: 840.000 cổ phần (Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước)
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không có
- Quyền lợi, mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

**c. Ông NGUYỄN NGỌC DOAN**

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Thạch cao xi măng
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 10/10/1958
- Nơi sinh: Liên Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Liên Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình
- Địa chỉ thường trú: Số 9 đường Nguyễn Khuyến, thành phố Huế
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 053. 560495
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng, cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
  - 1983 - nay : Công tác tại Đoàn K3 - Bộ Xây dựng, sau đó chuyển thành Xí nghiệp Cung ứng thạch cao, Công ty Kinh doanh thạch cao xi măng và nay là Công ty Cổ phần Thạch cao xi măng
- Số cổ phần nắm giữ: 700.000 cổ phần (*Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước*)  
3.600 cổ phần (*Sở hữu cá nhân theo DS chốt ngày 22/03/2010*)
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần: Vợ - Nguyễn Thị Quế : 500 cổ phần.
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có.

**d. Ông NGUYỄN XUÂN LƯƠNG**

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Thạch cao xi măng
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20/02/1952
- Nơi sinh: Phong Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Phong Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình
- Địa chỉ thường trú: Số 75 đường Võ Thị Sáu, thành phố Huế
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 054. 825427
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - công nghiệp
- Quá trình công tác:
  - 11/1969 - 11/1972 : Tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam
  - 12/1972 - 12/1975 : Học tại Trường Nghiệp vụ Quản lý kinh tế
  - 01/1976 - 04/1977 : Công tác tại Xí nghiệp Cung ứng xi măng Nghệ An
  - 05/1977 - 08/1993 : Công tác tại Xí nghiệp Cung ứng xi măng BTT, XN 407
  - 09/1993 - nay : Công tác tại Công ty Kinh doanh Thạch cao xi măng, nay là Công ty Cổ phần Thạch cao xi măng
- Số cổ phần nắm giữ: 5.000 cổ phần (*Sở hữu cá nhân*)  
( Theo danh sách chốt tại ngày 22/03/2010)
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có.

**e. Ông PHẠM ĐÌNH NHẬT CƯỜNG**

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT công ty CP Thạch cao Xi măng, Phó giám đốc kiêm Kế toán trưởng, Ủy viên HĐQT Cty CP XM Hà Tiên 1.
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 02/02/1962
- Nơi sinh: Xã Bình Hoà, Gia Định., TP HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Bình Hoà, Gia Định., TP HCM
- Địa chỉ thường trú: 118/47 Bạch Đằng, Quận Bình Thạnh, TP HCM
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 08- 3896 6608
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán.
- Quá trình công tác:
  - 1981-1985 : Kế toán giá thành và Tổng hợp tại nhà máy XMKiên Lương
  - 1985-1996 : Kế toán tổng hợp tại Cty XM Hà Tiên 1.
  - 1996- 2001 : Phó phòng Kế toán TKTC Cty Xi măng Hà Tiên 1
  - 2001- 2003: Phụ trách phòng Kế toán TKTC Cty Xi măng Hà Tiên 1
  - 2003 - nay :Kế toán trưởng, Ủy viên HĐQT Cty CP Xi Măng Hà Tiên 1.
- Số cổ phần nắm giữ: 700.000 cổ phần (*Đại diện sở hữu phần vốn cổ đông chiếm lược*) – theo danh chốt ngày 22/03/2010.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có.

**2.2 Thành viên Ban giám đốc ( 3 người).**

- Ông: Hoàng Việt Giám đốc.
- Ông: Nguyễn Xuân Lương Phó giám đốc.
- Ông: Nguyễn Ngọc Doan Phó giám đốc.

*(Lý lịch tóm tắt như đã trình bày tại các thành viên Hội đồng quản trị).*

**2.3. Thành viên Ban Kiểm soát ( 3 người).**

**a. Ông HUỖNH TRUNG HIẾU**

- Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Vật tư vận tải xi măng; Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thạch cao xi măng.
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 08/01/1974
- Nơi sinh: Thanh Hoá
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thừa Thiên Huế
- Địa chỉ thường trú: 228 đường Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 054846363
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
  - 07/1995 - 03/2004: Công tác tại Công ty Vật tư vận tải xi măng
  - 04/2004 - 04/2006: Công tác tại Phòng Quản lý vốn Tổng Công ty Xi măng Việt Nam
  - 05/2006 - nay: Trưởng phòng Kế toán Công ty Cổ phần Vật tư vận tải xi măng
- Số cổ phần nắm giữ: 294.525 cổ phần (*Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước*)  
1.300 cổ phiếu ( Sở hữu cá nhân – Theo d/sách chốt ngày 22/03/2010)
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có.



**b. Ông NGUYỄN VĂN DUẤN**

- Chức vụ hiện tại: Phụ trách Phòng Kế hoạch - Đầu tư - Xây dựng, thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thạch cao xi măng
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 09/11/1969
- Nơi sinh: Liên Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Liên Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình
- Địa chỉ thường trú: 190 đường Trần Phú, thành phố Huế
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 054. 825432
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
  - 05/1989 - 12/1999 : Kế toán Xí nghiệp Cung ứng thạch cao Đông Hà
  - 08/1999 - 03/2000: Phụ trách kế toán Xí nghiệp Xi măng Quảng Bình
  - 04/2000 - 12/2001: Công tác tại Phòng Kế toán Công ty Kinh doanh Thạch cao xi măng
  - 01/2002 - 12/2004: Phó phòng Kế toán Công ty Kinh doanh Thạch cao xi măng
  - 1/2005 - T12/2009: Phó phòng Kế hoạch - Đầu tư - Xây dựng Công ty Kinh doanh Thạch cao xi măng, nay là Công ty Cổ phần Thạch cao xi măng
  - 01/2010 - nay Phụ trách phòng Kế hoạch tổng hợp Công ty CP Thạch cao Xi măng.
- Số cổ phần nắm giữ: 1.000 cổ phiếu ( sở hữu cá nhân – Theo d/s chốt ngày 22/03/2010)
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có.

**c. Ông PHẠM VĂN PHÚ**

- Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thạch cao xi măng, Phó giám đốc Chi nhánh Quảng Trị.
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/08/1958
- Nơi sinh: Ninh Phúc, Hoa Lư, Ninh Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Ninh Phúc, Hoa Lư, Ninh Bình
- Địa chỉ thường trú: 74 đường Ngô Quyền, Đông Hà, Quảng Trị
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 054.846363
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ, cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
  - 08/1976 - 09/1979 : Thanh niên xung phong - Ban Kinh tế mới
  - 09/1979 - 12/1985 : Sinh viên Trường Đại học Mỏ Địa chất
  - 03/1986 - 01/1990 : Chuyên gia Đoàn 3 - Bộ Xây dựng
  - 01/1990 - 01/1997 : Đội trưởng, Chỉ huy trưởng Công trường HTKT Thạch cao Lào
  - 02/1997 - 01/2006 : Giám đốc Xí nghiệp HTKT Thạch cao Lào trực thuộc Công ty Kinh doanh Thạch cao xi măng, nay là Công ty Cổ phần Thạch cao xi măng.
  - 02/2006- 09/2009 Trưởng ban nghiên cứu ĐTPPT của Công ty CP thạch cao xi măng
  - 09/2009 - nay Phó giám đốc Chi nhánh Quảng Trị.
- Số cổ phần nắm giữ: 575 cổ phiếu ( sở hữu cá nhân- theo d/s chốt ngày 22/03/2010)
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có.

### **3. Quyền lợi của ban Giám đốc:**

Tiền lương của Giám đốc công ty hàng năm do Hội đồng quản trị công ty phê duyệt căn cứ vào Kết quả kinh doanh công ty đạt được. Phó giám đốc hưởng lương theo hệ số lương sản phẩm của công ty ban hành cho chức vụ Phó giám đốc. Các khoản tiền thưởng của Ban giám đốc thực hiện theo Quy chế tiền lương, thưởng của công ty.

### **4. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách của người lao động:**

#### **4.1. Số lượng người lao động trong Công ty**

Tổng số lao động toàn Công ty tại thời điểm 31/12/2009 là: 311 người.

#### **4.2. Chính sách đối với người lao động:**

##### **a. Chế độ làm việc**

Thời gian làm việc: Công ty Cổ phần Thạch cao xi măng tổ chức làm việc 8h/ngày được nghỉ 30 phút tính vào giờ làm việc và 5 ngày/tuần. Thực hiện nghỉ vào ngày thứ bảy và chủ nhật. Khi có công việc phát sinh hoặc có công việc cần giải quyết, bên sử dụng lao động và người lao động thông nhất tăng giờ làm việc trong ngày, hoặc huy động làm đêm, làm thêm giờ vào ngày nghỉ hàng tuần, ngày lễ, sau đó sẽ được bố trí nghỉ bù. Giờ làm thêm không được quá 4 giờ/ ngày và 200 giờ/ năm. Không huy động làm thêm trong các trường hợp: người lao động có con nhỏ dưới 12 tháng tuổi và lao động nữ có thai đến tháng thứ 7.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty làm việc với thời gian 12 tháng được nghỉ phép 12 ngày, làm việc nặng nhọc, độc hại được nghỉ 14 ngày/ năm và thời gian không làm việc đủ 12 tháng được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên tiếp tục được công thêm 01 ngày phép trong năm.

Nhân viên được nghỉ lễ, tết 08 ngày theo quy định của bộ Luật lao động.

Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên Công ty được nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm và được hưởng nguyên lương. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 04 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định, còn được hưởng thêm 04 tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Môi trường làm việc và an toàn lao động: Trụ sở làm việc được đầu tư sửa chữa định kỳ, trang bị máy điều hòa, quạt điện...; dụng cụ làm việc được trang bị đầy đủ đảm bảo yêu cầu phục vụ sản xuất kinh doanh; nơi làm việc của công nhân được bố trí đầy đủ đảm bảo vệ sinh cá nhân, môi trường làm việc sạch sẽ; người lao động được trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân; các dụng cụ sản xuất luôn được đầu tư cải tiến nhằm tăng năng suất lao động và đảm bảo môi trường sức khỏe cho người lao động: như đầu tư lắp đặt máy hút bụi, xây tường cách âm, đầu tư máy đóng bao ... cho trạm nghiền xi măng Quảng Bình; đầu tư lắp đặt hệ thống chiếu sáng tại kho thạch cao Quảng Trị. Tổ chức khám sức khỏe cho người lao động một lần/ năm và thanh toán chi phí sơ cấp cứu ban đầu cho người lao động 3.000 người/tháng.

**b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo**

Tuyển dụng: mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tuỳ thuộc vào từng vị trí đảm nhận mà có những tiêu chuẩn quy định phù hợp.

Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là kỹ năng về nghiệp vụ chuyên môn. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

Đào tạo nhân viên mới: sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới sẽ được Công ty tổ chức đào tạo để nắm rõ về nội quy lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc.

Đào tạo thường xuyên: Căn cứ vào nhu cầu phát triển của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty, Công ty định ra kế hoạch đào tạo dưới nhiều hình thức: cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng các khoá huấn luyện.v.v... Kết quả sau mỗi khoá học được báo cáo đầy đủ ngay để Công ty đánh giá hiệu quả của các phương pháp và hình thức đào tạo.

**c. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi**

Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người, tạo được sự khuyến khích cán bộ công nhân viên của Công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong thực hiện công việc đạt được hiệu quả cao, có sáng kiến trong cải tiến phương pháp làm việc, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

**5. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị ( HĐQT), Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng:**

- Theo Nghị quyết 671/NQ - ĐHĐCĐ ngày 24/04/2009 của Đại hội đồng cổ đông năm 2009 đã thông qua việc từ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị của ông Đặng Quang Hạnh. Lý do: ông Đặng Quang Hạnh xin nghỉ chế độ. Bầu bổ sung ông Trần Quang Tuấn vào Hội đồng quản trị. Ông Trần Quang Tuấn đã được HĐQT bầu làm Giám đốc điều hành với tỷ lệ phiếu bầu 100%.

- Ngày 25/06/2009, Hội đồng quản trị Công ty đã họp và thông qua Nghị quyết số 1079/NQ-HĐQT về một số nhiệm vụ, công tác của Hội đồng quản trị, trong đó chấp thuận việc xin từ nhiệm của ông Trần Quang Tuấn, Giám đốc Công ty và cử ông Hoàng Việt làm Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/07/2009.

- Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1958/NQ - HĐQT ngày 16/12/2009, theo đó HĐQT Công ty CP Thạch cao xi măng chấp thuận đơn của ông Trần Quang Tuấn xin từ chức thành viên

HDQT Công ty CP Thạch cao Xi măng, bầu bổ sung ông Hoàng Việt - Giám đốc điều hành công ty vào HDQT Công ty CP Thạch cao Xi măng từ ngày 17/12/2009.

### **VIII. Thông tin cổ đông và quản trị Công ty.**

#### **1. Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:**

##### **1.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:**

<b>Stt</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Địa chỉ</b>
<b>I</b>	<b>Thành viên Hội đồng quản trị</b>	
1	Tạ Quang Bửu	228 đường Lê Duẩn, quận Đống Đa, Hà Nội.
2	Hoàng Việt	24 đường Hà Nội, thành phố Huế.
3	Nguyễn Ngọc Doan	Số 9 đường Nguyễn Khuyến, thành phố Huế.
4	Nguyễn Xuân Lương	Số 75 đường Võ Thị Sáu, thành phố Huế.
5	Phạm Đình Nhật Cường	118/47 Bạch Đằng, quận Bình Thạnh, TP HCM
<b>II</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>	
1	Huỳnh Trung Hiếu	228 đường Lê Duẩn, Quận Đống Đa, Hà Nội.
2	Nguyễn Văn Duẩn	190 đường Trần Phú, thành phố Huế.
3	Phạm Văn Phú	74 đường Ngô Quyền, Đông Hà, Quảng Trị.

- Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Không có

##### **1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Theo Điều lệ Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng.

##### **1.3. Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Theo Điều lệ Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng.

##### **1.4. Kế hoạch để tăng cường hiệu quả hoạt động của Công ty.**

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát các đơn vị trực thuộc và phòng ban trong Công ty nhằm phát hiện những sai sót, chậm trễ trong công việc, từ đó, có biện pháp chấn chỉnh kịp thời.
- Định kỳ yêu cầu các phòng ban, đơn vị trực thuộc Công ty lập báo cáo về tình hình hoạt động, những khó khăn, thuận lợi tại các phòng ban, đơn vị nhằm nắm bắt được tình hình hoạt động của Công ty.

##### **1.5. Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:**

**Năm 2009**

- Thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

**216.000.000 đồng**

**1.6. Số lượng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban giám đốc Công ty đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: Có**

**1.7. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát**

Theo danh sách chốt ngày 22/03/2010 từ Trung tâm lưu ký chứng khoán nhằm thực hiện quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội cổ đông năm 2010.

**1.7.1. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Hội đồng quản trị Công ty.**

Stt	HĐQT Công ty	Chức vụ	SL cổ phiếu sở hữu				Tỷ lệ (%)
			Đại diện vốn Nhà nước	Đại diện vốn cổ đông chiến lược	Sở hữu cá nhân	Tổng sở hữu	
1	Tạ Quang Bửu	Chủ tịch HĐQT	1.750.000			1.750.000	25,00%
2	Hoàng Việt	Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty	840.000			840.000	12,00%
3	Nguyễn Xuân Lương	Ủy viên HĐQT, PGiám đốc Công ty			5.000	5.000	0,07%
4	Nguyễn Ngọc Doan	Ủy viên HĐQT, PGiám đốc Công ty	700.000		3.600	703.600	10,05%
5	Phạm Đình Nhật Cường	Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty		700.000		700.000	10,00%
	<b>Tổng</b>		<b>3.290.000</b>	<b>700.000</b>	<b>8.600</b>	<b>3.998.600</b>	<b>57,12%</b>

**1.7.2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Ban giám đốc Công ty.**  
( Như đã trình bày ở phần HĐQT )

**1.7.3. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Ban Kiểm soát.**

Stt	Ban Kiểm soát (BKS)	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu			Tỷ lệ (%)
			Đại diện vốn Nhà nước	Sở hữu cá nhân	Tổng sở hữu	
1	Huỳnh Trung Hiếu	Trưởng ban	294.525	1.300	295.825	4,23%
2	Phạm Văn Phú	Thành viên	-	575	575	0,01%
3	Nguyễn Văn Duẩn	Thành viên, Phó phòng ĐTXDCB Công ty	-	1.000	1.000	0,01%
	<b>Tổng</b>		<b>294.525</b>	<b>2.875</b>	<b>297.400</b>	<b>4,25%</b>

**1.8. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.**

- Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1745/NQ - HĐQT ngày 05/11/2009, theo đó Hội đồng quản trị công ty CP Thạch cao xi măng chấp thuận cho ông Nguyễn Xuân Lương - uỷ viên HĐQT Công ty CP Thạch cao xi măng được tự do chuyển nhượng 5.000 cổ phần sở hữu cá nhân.

- Ngày 15/03/2010 ông Nguyễn Xuân Lương có thông báo bán 5.000 cổ phiếu. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch từ ngày 16/03/2010 đến 16/05/2010.

**2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông theo danh sách chốt ngày 22/03/2010 từ TTLK.**

**2.1. Cổ đông trong nước:**

**2.1.1. Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông trong nước:**

Stt	Thành phần cổ đông	SL cổ đông	SL cổ phiếu nắm giữ	Giá trị theo mệnh giá	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông là cá nhân	1.913	2.630.267	26.302.670.000	37,58
2	Cổ đông là tổ chức	36	785.208	7.852.080.000	11,22
3	Cổ đông Nhà nước	1	3.584.525	35.845.250.000	51,21
	<b>Tổng</b>	<b>1.950</b>	<b>7.000.000</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

**2.1.2. Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn:**

Tên đơn vị	Địa chỉ	Số cổ phiếu nắm giữ tại ngày 22/03/2010	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty CN Xi măng Việt Nam	228 Lê Duẩn, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội	3.584.525	51,21
Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1	Km 8 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP HCM	700.000	10%

**2.2. Cổ đông nước ngoài:**

Cơ cấu cổ đông nước ngoài

Stt	Thành phần cổ đông	SL cổ đông	SL cổ phiếu nắm giữ	Giá trị theo mệnh giá	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông là cá nhân	17	48.625	486.250.000	0,69
2	Cổ đông là tổ chức	-	-	-	-
	<b>Tổng</b>	<b>17</b>	<b>48.625</b>	<b>486.250.000</b>	<b>0,69</b>

Huế, ngày 19 tháng 04 năm 2010

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**GIÁM ĐỐC**

**Hoàng Việt**